

Số: **16/2023/QĐST-HNGĐ**

Đắk Tô, ngày 24 tháng 4 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 4 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 87/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị NTD, sinh năm 1983

Địa chỉ: T 3, xã DB, huyện ĐT, tỉnh KT.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Anh VAM, sinh năm 1991;
địa chỉ: K 9, thị trấn ĐT, huyện ĐT, tỉnh KT.

- *Bị đơn:* Anh NVC, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn ĐRL, thị trấn ĐT, huyện ĐT, tỉnh KT.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Anh HMT, sinh năm 1987 và chị NTT, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: K 10, thị trấn ĐT, huyện ĐT, tỉnh KT.

2/ Chị NTT, sinh năm 1988

Địa chỉ: K 10, thị trấn ĐT, huyện ĐT, tỉnh KT.

3/ Cháu NDHA, sinh ngày 16/8/2007

Người đại diện hợp pháp của NDHA: Chị NTD, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: T 3, xã DB, huyện ĐT, tỉnh KT.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về phân chia tài sản chung:

2.1.1. Anh NVC được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản:

- **Thửa đất số 50**, tờ bản đồ số 22, diện tích nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 8.468,1 m² và 448 cây cao su trên đất, tại Thôn Kon Tu Peng, xã Pô Kô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 428025, số vào sổ CH 02603 do Ủy ban nhân dân huyện Đắk Tô cấp ngày 02 tháng 7 năm 2015.

Đối với phần diện tích nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.312,1 m² và 71 cây cao su trên đất; Phần diện tích còn lại nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Chuần, chị Diệu là 2.217,2 m², nhưng trên thực tế không thuộc quyền sử dụng của anh Chuần, chị Diệu nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Thửa đất số 128**, tờ bản đồ số 22, diện tích 11.025,5 m² và 100 cây sầu riêng, 400 cây cà phê, 10 cây mít thường; hệ thống tưới nước trên đất, tại Thôn Kon Tu Peng, xã Pô Kô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 428027, số vào sổ CH 02605 do Ủy ban nhân dân huyện Đắk Tô cấp ngày 02 tháng 7 năm 2015.

- **Thửa đất số 110**, tờ bản đồ số 22, diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 909,7 m² và 22 cây sầu riêng, 78 cây cà phê, hệ thống tưới nước trên đất, tại Thôn Kon Tu Peng, xã Pô Kô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 428026, số vào sổ CH 02604 do Ủy ban nhân dân huyện Đắk Tô cấp ngày 02 tháng 7 năm 2015.

Đối với phần diện tích còn lại 2.663,9 m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng trên thực tế không thuộc quyền sử dụng của anh Chuần, chị Diệu nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tổng giá trị các tài sản mà anh NVC được nhận là 559.010.660 đồng.

2.1.2. Chị NTD và anh NVC tặng cho con chung là NDHA, sinh ngày 16/8/2007 được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản sau:

Thửa đất số 146, tờ bản đồ số 03 (nay là thửa số 212, tờ bản đồ 58), diện tích 698,7 m² và 01 kho tạm, diện tích 13,8 m²; 01 chuồng chăn nuôi, diện tích 12 m²; 01 cây dừa; 3 cây nhãn; 4 cây bời Lờ; 1 cây mít thường; 1 cây mận trên đất, tại T 3, xã DB, huyện ĐT, tỉnh KT, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 444794, số vào sổ H 022141 do Ủy ban nhân dân huyện Đắk Tô cấp ngày 23

tháng 7 năm 2008.

Chị NTD là người đại diện theo pháp luật cho con NDHA đối với các tài sản trên cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Tổng giá trị các tài sản mà NDHA được nhận là 432.912.917 đồng.

2.1.3. Chị NTD có trách nhiệm tháo dỡ các tài sản trên đất, gồm: 01 nhà ở 01 tầng (cấp 4), diện tích 47,89 m²; 01 nhà bếp (liền sau nhà ở), diện tích 22,08 m²; nhà vệ sinh + nhà tắm tạm, diện tích 4,42 m²; 01 bể nước, thể tích 1,43 m³.

Tổng giá trị tài sản mà chị NTD phải tháo dỡ là 28.797.449 đồng.

(Có Sơ đồ trích lục thửa đất kèm theo).

Các đương sự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

2.1.4. Chị NTD phải thanh toán cho anh NVC 100.000.000 (một trăm triệu) đồng trong giá trị của tài sản mà NDHA được nhận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2.2. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị NTD phải chịu 11.234.200 (mười một triệu hai trăm ba mươi tư nghìn hai trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.000.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001506, ngày 20/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Tô. Trả lại cho chị NTD 18.765.800 (mười tám triệu, bảy trăm sáu mươi lăm nghìn, tám trăm) đồng.

Anh NVC phải chịu 13.180.200 (mười ba triệu một trăm tám mươi nghìn hai trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.3. Về chi phí tố tụng (chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản): Tổng chi phí là 19.200.000 (mười chín triệu hai trăm nghìn) đồng. Chị NTD và anh NVC mỗi người phải chịu 9.600.000 đồng. Chị NTD đã nộp đủ. Anh NVC phải thanh toán cho chị NTD 9.600.000 (chín triệu sáu trăm nghìn) đồng

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đăk Tô;
- Chi cục THADS huyện Đăk Tô;
- Dương sự;
- Lưu: QĐ; Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Bá Bình